

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN I
TỈNH KON TUM**

Bản án số: 03/2020/HS-ST

Ngày: 13/5/2020.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN I, TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phú Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thanh Huệ

Ông Thạch Xuân Hào

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Khánh Lựu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện I, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Phạm Việt Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Kon Tum, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2020/TLST-HS, ngày 01/4/2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST- HS ngày 29 tháng 04 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Q. Tên gọi khác: Không. Sinh năm 1978, tại G – Bến Tre. Nơi đăng ký HKTT: Thôn 7, xã I, huyện I, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Thợ hồ; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Q tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1954 và mẹ Ngô Thị T, sinh năm: 1954 đều làm nông và sống tại: xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. Có vợ là bà Hoàng Thị M, sinh năm 1989, trú tại Thôn 8, xã I, huyện I, Kon Tum. Bị cáo có 02 (hai) con; con lớn nhất, sinh năm 2009; con nhỏ nhất, sinh năm 2016 hiện sống cùng cha, mẹ. Gia đình bị cáo có bốn anh, chị em, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình.

Tiền án: Có 03 tiền án (Ngày 04/03/1997, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện X- tỉnh Đồng Nai tuyên phạt 06 tháng tù; nộp 50.000đ án phí HSST. Ngày 23/07/2004 bị TAND tỉnh Bình Dương tuyên phạt 15 tháng tù; nộp 50.000đ án phí HSST và 50.000đ án phí HSPT; Hiện bị cáo đã chấp hành xong hình phạt chính nhưng chưa nộp án phí. Ngày 09/10/2006 bị TAND tỉnh Đồng Nai tuyên phạt 01 năm 03 tháng tù - với tình tiết "tái phạm"; nộp 50.000đ án phí HSST và 50.000đ án phí HSPT. Hiện bị cáo đã chấp hành xong hình phạt chính nhưng chưa nộp án phí theo Bản án của TAND tỉnh Bình Dương; Tháng 03/2020 mới

nộp xong án phí theo Bản án của TAND huyện X- đến tháng 01/2019 đã phạm tội mới nên bị cáo chưa được xóa án tích). Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/10/2019 đến nay. (Có mặt tại phiên tòa).

Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân xã I, huyện I, tỉnh Kon Tum. Người đại diện theo pháp luật: Ông Chế Hồng Q, chức vụ: Chủ tịch UBND xã I, huyện I, tỉnh Kon Tum.

Ông Chế Hồng Q ủy quyền cho ông Nguyễn Phú A, sinh năm 1987. Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã I, huyện I, tỉnh Kon Tum (Theo văn bản ủy quyền ngày 21 tháng 4 năm 2020) tham gia tại phiên tòa. (Có mặt)

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Hoàng Thị M, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn 7, xã I, huyện I, Kon Tum. (Có mặt)

Người làm chứng:

+ Anh Phạm Duy V, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn 7, xã I, huyện I, tỉnh Kon Tum. (Có mặt)

+ Anh Đ, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn 9, xã I, huyện I, tỉnh Kon Tum. (Vắng mặt)

+ Anh Nguyễn Hùng C, sinh năm 1960. Địa chỉ: Thôn 1, xã I, huyện I, tỉnh Kon Tum. (Có mặt)

+ Anh Nguyễn Phúc Q, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn 1, xã I, huyện I, tỉnh Kon Tum. (Có mặt)

+ Anh Đinh Công T, sinh năm 1977. Địa chỉ: Thôn 7, xã I, huyện I, tỉnh Kon Tum. (Có mặt)

+ Anh Nguyễn Cảnh V, sinh năm 1967. Địa chỉ: Kiểm lâm địa bàn UBND xã I, huyện I, tỉnh Kon Tum. (Có đơn xin vắng mặt)

+ Anh Trần Văn C, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn 7, xã I, huyện I, tỉnh Kon Tum. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 01/2019 Nguyễn Văn Q (*Sinh năm: 1978, trú tại Thôn 8, xã I, huyện I, tỉnh Kon Tum*) nảy sinh ý định chặt phá rừng tại Lô 26, khoảnh 7, Tiểu khu 755 lâm phần do UBND xã I quản lý để lấy đất canh tác nhưng tại thời điểm này do khu vực trên còn nhiều cây gỗ lớn nên Q chưa làm; đến cuối tháng 01/2019 khi đi lại khu vực trên Q thấy những cây lớn đã bị ai đó cưa hạ, chỉ còn lại gốc và thân cây còn tươi; thấy dễ làm, Q bắt đầu dùng 01 dao (rựa) và bắt đầu chặt phá toàn bộ cây rừng còn lại trong diện tích hơn chín sào; sau khi chặt phá xong, đối với những gốc cây lớn và thân cây gỗ lớn, do không dùng dao để chặt được nên Q đã thuê một người tên T (không rõ họ tên, lai lịch) chỉ

biết ở xã I O, huyện I, Gia Lai dùng cưa xăng để cắt với mục đích để gom lại để đốt với giá 250.000 đồng/01 ngày; sau khi thỏa thuận xong, Q cùng T ra khu vực trên và bắt đầu thực hiện việc cưa, cắt các gốc và thân cây gỗ lớn tuy nhiên đã bị lực lượng chức năng của xã phát hiện và ngăn chặn. Sau đó, Q đi về nhà đợi cho cây khô rồi đốt để lấy đất canh tác còn T đi đâu, làm gì thì không rõ. Khoảng giữa tháng 03/2019 anh Phạm Duy V - nhân viên Công ty cao su Chư Mom Ray đã gặp Q để nhắc nhở về việc nếu có đốt rẫy thì thông báo trước để có phương án phòng cháy, chữa cháy đồng thời bàn với Q về việc làm đường ranh chống cháy vì rẫy của Q gần với lô cao su nhất và được Q đồng ý; theo đó phía Công ty sẽ gọi xe, còn Q trả tiền công. Sau đó, Công ty đã thuê xe máy múc của ông Đinh Công T, trú tại Thôn 7, xã I, huyện I để làm đường ranh, sau khi làm xong Q đã đưa cho anh Nguyễn Phúc Q, SN 1983, trú tại Thôn 1, xã I - là Tổ trưởng Tổ 4, nơi có cao su giáp với phần diện tích rẫy của Q để Q trả tiền công làm đường ranh với số tiền là 2.800.000 đồng. Đến ngày 27/03/2019 thì xảy ra cháy tại vị trí đất rẫy của Q, Công ty đã mời Q lên làm việc, quá trình làm việc Q thừa nhận rẫy là do Q chặt phá nhưng không phải do Q đốt và Q cũng không biết do ai đốt hay cháy từ đâu lan qua.

Kết quả khám nghiệm hiện trường thể hiện: Vị trí rừng bị chặt phá tại toạ độ X:0496312, Y: 1553897 thuộc Lô 26, khoảnh 7, tiểu khu 755 với diện tích 9.825m², lâm phần do UBND xã I quản lý; Loại rừng: Rừng tự nhiên, chức năng sản xuất; Hiện trạng rừng bị chặt phá: Rừng thường xanh nghèo. Tại hiện trường quan sát bằng mắt thường xác định trên thân lóng gỗ, gốc cây có dấu vết của máy cưa xăng, tại hiện trường một số cây bụi đã mọc có chiều cao từ 10 cm - 30 cm. Qua tính trung bình ô tiêu chuẩn thì thiệt hại là 360 gốc và khối lượng gỗ bị thiệt hại là 21,167 m³, toàn bộ số lóng gỗ tại hiện trường đã cháy, không có giá trị sử dụng - *bằng 30,239 ster củi*. Tại hiện trường Q khai nhận vào tháng 01/2019, ông Q đã sử dụng 01 dao để chặt hạ toàn bộ cây có đường kính từ 10 cm trở xuống; đối với các cây gỗ lớn đã bị ai đó cắt hạ từ trước.

Tại bản kết luận định giá tài sản: số 25/2019/KL-HĐĐG, ngày 17/07/2019 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện I đã kết luận: Tổng giá trị các loại tài sản trưng cầu Hội đồng định giá: 59.268.440 đồng (*bao gồm thiệt hại về lâm sản và môi trường rừng*).

Tại bản cáo trạng số 04/CT-VKS ngày 31/03/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện I, tỉnh Kon Tum đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q về tội "**Hủy hoại rừng**" theo điểm c, khoản 2, Điều 243 BLHS.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện I, tỉnh Kon Tum phát biểu lời luận tội, giữ nguyên bản Cáo trạng truy tố đối với bị cáo, qua phân tích đánh giá tính chất, mức độ, hành vi nguy hiểm của bị cáo gây ra cho xã hội. Đồng thời, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình

sự mà bị cáo được hưởng, nhân thân của bị cáo, đó là: Bị cáo đã thành khẩn khai báo rõ về hành vi phạm tội của mình, tỏ rõ ý ăn năn hối cải, bị cáo đã tích cực tác động gia đình (là vợ bị cáo) nộp tiền khắc phục một phần hậu quả để bồi thường thiệt hại do hành vi của mình gây ra và bồi thường được 7.000.000 đồng (5.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2010/0004312 và 2.000.000 đồng theo biên lai số AA/2010/0004313 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện I, tỉnh Kon Tum), bị cáo có chú ruột là liệt sĩ được quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Hủy hoại rừng”. Áp dụng điểm c, khoản 2, Điều 243 Bộ luật hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 24 đến 28 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (31/10/2019).

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho nguyên đơn dân sự số tiền thiệt hại còn lại.

Về vật chứng của vụ án:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 dao (rựa) dài 47 cm mà Q đã sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

+ Đối với 01 cửa xăng của đối tượng tên T, là người được Q thuê, hiện chưa xác định được đối tượng này, chưa thu giữ được cửa xăng nên không có cơ sở để xử lý.

+ Đối với 01 Biên bản làm việc giữa Nông trường cao su Mo Ray IV và Nguyễn Văn Q do Nông trường tự nguyện giao nộp - là nguồn chứng cứ nên cần tiếp tục bảo quản theo hồ sơ vụ án.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn Q chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trong nội dung của bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện I, tỉnh Kon Tum truy tố. Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo không bị mớm cung, ép cung hay bị nhục hình buộc phải nhận tội. Đề nghị của Viện Kiểm sát về tội danh, hình phạt đối với bị cáo là đúng, bị cáo không có tranh luận gì, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Nguyên đơn dân sự: Tại phiên tòa đại diện Ủy ban nhân dân xã I, huyện I, tỉnh Kon Tum yêu cầu bồi thường theo kết luận định giá tài sản số 25/2019/KL-HĐĐG, ngày 17/07/2019 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự huyện I.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan là chị Hoàng Thị M trình bày tại phiên tòa: Tôi là vợ hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn Q, sau sự việc xảy ra, bị cáo đã tác động nhờ tôi đứng ra nộp bồi thường số tiền 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*). Đây là số tiền chung của vợ chồng tôi, tôi hoàn toàn nhất trí và

không có yêu cầu gì.

Bị cáo nói lời nói sau cùng, hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan Điều tra Công an huyện I tỉnh Kon Tum, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện I, tỉnh Kon Tum: trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử cơ quan tiến hành tố tụng đã thông báo cho bị cáo là cá nhân hộ nghèo theo nguyên tắc là các đối tượng cần bảo đảm quyền được trợ giúp pháp lý. Tuy nhiên, bị cáo từ chối không yêu cầu Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, lời khai của bị cáo là khách quan phù hợp với Biên bản làm việc giữa Nông trường cao su Mo Ray IV và Nguyễn Văn Q, biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của nguyên đơn dân sự, người làm chứng và các tài liệu khác đã được điều tra, thu thập có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử có đủ căn cứ khẳng định: Khoảng cuối tháng 01 năm 2019 bị cáo Nguyễn Văn Q đã có hành vi dùng dao (rựa) để chặt phá rừng tại Lô 26, khoảnh 7, Tiểu khu 755 thuộc địa phận UBND xã I quản lý với diện tích chặt phá là 9.825 m² đồng thời Nguyễn Văn Q đã thuê một người tên T (không rõ họ tên, lai lịch) chỉ biết ở xã I O, huyện I, Gia Lai dùng cưa xăng để cắt phá cây rừng trong diện tích mà Q đã chặt phá. Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Q đã phạm vào tội “Hủy hoại rừng” theo điểm b, khoản 1, Điều 243 BLHS. Tuy nhiên bị cáo có 03 tiền án, đã tái phạm chưa được xóa án tích, lại phạm tội mới do cố ý nên bị xem là "tái phạm nguy hiểm". Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 243 BLHS với tình tiết định khung là "tái phạm nguy hiểm".

Như vậy, Cáo trạng số 04/CT-VKS ngày 31/03/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện I, tỉnh Kon Tum đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn Q về tội “Hủy hoại rừng” theo điểm c khoản 2 Điều 243 BLHS là hoàn toàn có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng, xâm phạm đến tài sản của Nhà nước, làm xâm hại đến sự bền vững và ổn định của môi trường sinh thái. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được rừng là tài nguyên Q gia, Nhà nước nghiêm cấm mọi hành vi hủy hoại rừng trái phép, nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân, bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi chặt phá hủy hoại rừng trái phép, thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo.

Vì vậy, để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo với mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi, hậu quả mà bị cáo gây ra buộc bị cáo cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, có như vậy mới đủ điều kiện và thời gian cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã tác động tích cực đến vợ của mình là chị Hoàng Thị M đứng ra nộp bồi thường số tiền 7.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả do hành vi của mình gây ra. Đây là các tình tiết giảm nhẹ tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự nên áp dụng cho bị cáo. Xét thấy, bị cáo có điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn, có hai con nhỏ và gia đình thuộc hộ nghèo theo quy định của pháp luật và bị cáo được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng cần áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt của điều luật cũng đủ tác dụng cải tạo và giáo dục bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Gia đình bị cáo cung cấp cho Tòa án các tài liệu liên quan đến liệt sỹ Nguyễn Văn Đăng là chú ruột của bị cáo, đây không thuộc trường hợp quy định tại Điều 51 Bộ Luật hình sự nên Hội đồng xét xử thấy rằng tình tiết này không được áp dụng là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5] Đối với đối tượng có tên là T mà theo bị cáo Nguyễn Văn Q khai có liên quan đến vụ án nhưng do không xác định được nhân thân lai lịch cụ thể của

những người này nên Cơ quan Cảnh sát điều Công an huyện I và Viện kiểm sát nhân dân huyện I không có cơ sở xử lý. Hiện nay cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, thu thập chứng cứ, nếu có căn cứ thì sẽ xử lý bằng một vụ án khác. Hội đồng xét xử thấy là phù hợp và đúng pháp luật.

Đối với Phạm Duy V, Nguyễn Phúc Q, Nguyễn Hùng C đều là nhân viên cao su do lo sợ việc Q đốt rẫy cháy lan qua cao su của Công ty nên Phạm Duy V, Nguyễn Phúc Q đã làm việc với Q bàn việc phòng chống cháy lan và thuê Đinh Công T để dùng máy mức làm đường ranh. Còn Nguyễn Hùng C là nhân viên chăm sóc lô cao su gần rừng mà Q chặt phá là người nhìn thấy có người vô chặt phá rừng nhưng không xác định cụ thể là ai và cũng không biết đó là rừng do nhà nước quản lý. Do vậy, trong vụ án này V, Q, C, T không liên quan gì đến việc Q thực hiện hành vi "*Hủy hoại rừng*" nên Hội đồng xét xử thấy cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay, đại diện cho nguyên dân sự có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại theo theo kết luận định giá tài sản. Xét thấy: Toàn bộ thiệt hại nêu trên là do bị cáo gây ra, lỗi thuộc về bị cáo nên yêu cầu của đại diện nguyên đơn dân sự là có cơ sở, đúng pháp luật cần được chấp nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo tác động tích cực vợ của mình là chị Hoàng Thị M nộp số tiền 7.000.000 đồng (5.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2010/0004312 và 2.000.000 đồng theo biên lai số AA/2010/0004313 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện I, tỉnh Kon Tum. Do đó, bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 52.268.440 đồng (*Năm mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi tám ngàn, bốn trăm bốn mươi đồng*).

Đối với số tiền 7.000.000 đ (*Bảy triệu đồng*) mà vợ của bị cáo là chị Hoàng Thị M đứng ra bồi thường. Đây là số tiền chung của vợ chồng, tự nguyện đứng ra bồi thường và không yêu cầu bị cáo bồi thường lại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: + Trong quá trình điều tra có thu giữ bị cáo 01 (một) dao phát (rựa) dài 47 cm. Đây là công cụ được bị cáo sử dụng để chặt hạ cây rừng, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 01 cửa xăng của đối tượng tên T, là người được Q thuê, hiện chưa xác định được đối tượng này, chưa thu giữ được cửa xăng nên không có cơ sở để xử lý.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn Q là cá nhân thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí, do đó Hội đồng xét xử xem xét miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 243; Điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội “Hủy hoại rừng”

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Q 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo (31/10/2019).

2. Trách nhiệm dân sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS, khoản 1 Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Nguyễn Văn Q bồi thường cho UBND xã I, huyện I, tỉnh Kon Tum số tiền 59.268.440 đồng (*Năm mươi chín triệu, hai trăm sáu mươi tám ngàn, bốn trăm bốn mươi đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền bị cáo đã tác động tích cực vợ mình là chị Hoàng Thị M bồi thường được 7.000.000 đồng (5.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2010/0004312 và 2.000.000 đồng theo biên lai số AA/2010/0004313 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện I, tỉnh Kon Tum). Số tiền còn lại bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường là 52.268.440 đồng (*Năm mươi chín triệu, hai trăm sáu mươi tám ngàn, bốn trăm bốn mươi đồng*) cho UBND xã I, huyện I, tỉnh Kon Tum để nộp vào ngân sách nhà nước. (Tiếp tục tạm giữ số tiền 7.000.000 đồng của bị cáo đã nộp để đảm bảo thi hành án)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu bị cáo không tự nguyện thi hành đối với khoản tiền bồi thường cho Nhà nước thì bị cáo Nguyễn Văn Q phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tuyên tịch thu, tiêu hủy vật chứng gồm: 01 (một) dao phát (rựa) dài 47 cm. (*Biên bản giao nhận vật chứng ngày 02 tháng 04 năm 2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện I và Cục thi hành án dân sự huyện I*).

4. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 23 Nghị quyết số: 326/ 2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Q Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn Q.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331; 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/5/2020) bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, có quyền kháng cáo bản án này để xin xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan;
- Nguyên đơn dân sự;
- VKSND huyện I, tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Chi cục THADS huyện I, tỉnh Kon Tum (khi bản án có hiệu lực);
- Công an huyện I;
- Trại tạm giữ Công an huyện I;
- UBND xã/phường/thị trấn (nơi cư trú của bị cáo);
- Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Phòng hồ sơ PV27 Công an tỉnh Kon Tum;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT SỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phú Lợi